

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 243/2024/DS-PT

Ngày: 03/5/2024

V/v tranh chấp: “Đòi quyền
sử dụng đất”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà **Nguyễn Ái Đoàn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Mai Thị Đào Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 290/2023/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 138/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn C**, sinh năm: 1951

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Lê Văn Bé B**, sinh năm: 1979 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1954 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Phan Thị S**, sinh năm: 1954

2. Anh **Lê Văn Bé B**, sinh năm: 1979

3. Anh **Lê Văn Q**, sinh năm: 1984

Người đại diện theo ủy quyền bà S và anh Q: Anh **Lê Văn Bé B**, sinh năm: 1979 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Anh Lê Văn S1, sinh năm: 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Số G, đường số B, tổ I, khu phố H, phường L, Thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Anh Lê Hoàng T1, sinh năm: 1987 (Có mặt).

6. Anh Lê Thanh P, sinh năm: 1982 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Hoàng T1 và Lê Thanh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Văn C và người đại diện ủy quyền nguyên đơn anh Lê Văn Bé B trình bày:

- Ông Lê Văn C có phần đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Quyền sử dụng đất được viết tắt là QSDĐ) thửa 124, diện tích 4.596,2 m², tờ bản đồ số 23 tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận QSDĐ số BM397681, sổ vào sổ cấp GCN: CH00676 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/9/2014 do ông C đại diện hộ đứng tên QSDĐ, khoảng năm 2004 nhà nước có xây tặng nhà tình nghĩa cho cụ Võ Thị B1 (là mẹ ông C), căn nhà có kết cấu vách tường, cột bê tông, máy tôn. Một phần căn nhà ngang khoảng 5,5m, dài khoảng 6,5m được xây dựng trên phần đất thửa 124 của ông C.

Năm 2007 cụ Võ Thị B1 chết, căn nhà do bà T quản lý, sử dụng. Năm 2021 bà T tháo dỡ căn nhà tình nghĩa để xây dựng nhà mới, do ông ngăn cản nên bà T chỉ tháo dỡ phần căn nhà tình nghĩa trên thửa đất của bà, còn phần căn nhà tình nghĩa trên phần đất ông hiện bà T quản lý không giao trả đất lại cho ông.

Nay ông C yêu cầu bà T giao trả phần đất ngang khoảng 5,5m, dài khoảng 6,5m thuộc quyền sử dụng thửa đất số 124 của ông.

Bị đơn Nguyễn Thị T trình bày:

- Bà có thửa đất số 151, tờ bản đồ số 23, diện tích 121,6 m² tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/9/2014 cho bà đại diện hộ đứng tên QSDĐ.

- Năm 2002 cụ Võ Thị B1 (là mẹ chồng của bà) được nhà nước xây dựng cho căn nhà tình nghĩa để thờ cúng liệt sĩ Lê Văn T2. Căn nhà được xây dựng 01 phần trên thửa đất số 151 của bà và 01 phần trên thửa đất của cụ B1, không có xây dựng trên đất của ông C. Sau khi cụ B1 chết căn nhà do bà quản lý thờ liệt sĩ

Lê Văn T2 và ông bà bên chồng đến nay, do là đất cụ B1 nên bà không đồng ý trả đất theo yêu cầu ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng T1:

- Anh thống nhất với ý kiến và lời khai bà Nguyễn Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại không có ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện.

Tại Bản án dân sự thẩm số 290/2023/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 166 của Bộ Luật dân sự. Điều 166 Điều 170 và Điều 203 của Luật đất đai; Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C

- Buộc bà Nguyễn Thị T, anh Lê Hoàng T1, anh Lê Thanh P giao, trả cho hộ ông Lê Văn C gồm:

1. Trả phần đất diện tích là 36,3 m² thuộc quyền sử dụng thửa đất số 124, tờ bản đồ số 23, diện tích chung thửa là 4.596,2 m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số BM397681, số vào sổ cấp GCN: CH00676 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/9/2014 do ông C đại diện hộ đứng tên.

- Phần đất diện tích 36,3 m² bà Nguyễn Thị T, anh Lê Hoàng T1, anh Lê Thanh P giao trả cho ông C (được ký hiệu ở các hình T4 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 24/3/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ) và có tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa đất số 124 còn lại của ông C có số đo 6,36m;

+ Hướng Tây giáp thửa đất số 124 còn lại của ông C có số đo 2,78m + 3,79m;

+ Hướng Nam giáp thửa đất số 151 của bà T có số đo 5,62m;

+ Hướng Bắc giáp thửa đất số 124 còn lại của ông C có số đo 5,62m;

(Kèm theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 24/3/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ).

2. Giao phần căn nhà tình nghĩa của cụ Võ Thị B1 diện tích là 36,3 m² có kết cấu căn nhà 01 tầng, móng cột bê tông, vách tường, nền gạch tàu, mái tôn, đỡ mái bằng gỗ gắn liền trên phần đất diện tích là 36,3 m² giao trả cho hộ ông C tại phần 1.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/12/2023, bị đơn Nguyễn Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thanh P, Lê Hoàng T1 có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa bản án sơ thẩm số 290/2023/DS-ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tiếp tục để hộ bị đơn ở và quản lý căn nhà tình nghĩa để thờ cúng liệt sĩ Lê Văn T2, bà Võ Thị B1 và ông bà bên chồng của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn Nguyễn Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thanh P, Lê Hoàng T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng : Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Bản án sơ thẩm đã giải quyết phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định và áp dụng pháp luật giải quyết là có căn cứ. Bị đơn bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Hoàng T1 và Lê Thanh P kháng cáo không có tài liệu chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Hoàng T1 và Lê Thanh P không có căn cứ để chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử phúc không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Hoàng T1 và Lê Thanh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 290/2023/DS-ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thanh P, Lê Hoàng T1; lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Đòi quyền sử dụng đất*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn Nguyễn Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thanh P, Lê Hoàng

T1 kháng cáo bản án trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Lê Văn C là con của cụ Võ Thị B1 (đã chết), bà Nguyễn Thị T (dâu của cụ B1). Ông C là chủ sử dụng đất thừa 124, diện tích 4.596,2 m², tờ bản đồ số 23 tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM397681, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00676 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/9/2014 do ông C đại diện hộ đứng tên QSDĐ. Liên kề phần đất của ông C là phần đất của bà T tại thửa số 151, tờ bản đồ số 23, diện tích diện tích 121,6 m² tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/9/2014 cho bà T đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất. Năm 2004 nhà nước có xây tặng 01 căn nhà tình nghĩa cho cụ Võ Thị B1 (là mẹ ông C, mẹ chồng bà T), căn nhà có kết cấu vách tường, cột bê tông, máy tôn. Một phần căn nhà ngang khoảng 5,5m, dài khoảng 6,5m được xây dựng một phần trên đất thừa 124 của ông C và một phần trên thửa đất số 151 của bà T. Năm 2007 cụ Võ Thị B1 chết, căn nhà do bà T quản lý, sử dụng. Năm 2021 bà T tháo dỡ căn nhà tình nghĩa để xây dựng nhà mới, do ông C ngăn cản nên bà T chỉ tháo dỡ phần căn nhà tình nghĩa trên thửa đất của bà, còn phần căn nhà tình nghĩa trên phần đất ông C hiện bà T quản lý không giao trả đất lại cho ông thì phát sinh tranh chấp, ông C yêu cầu bà T giao trả phần đất diện tích 36,3m² thuộc quyền sử dụng thửa đất số 124 của ông C thì Bà Nguyễn Thị T (bị đơn) và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng hộ bà T gồm Lê Thanh P, Lê Hoàng T1 không đồng ý và phát sinh tranh chấp. Sau khi tòa án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C thì bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thanh P, Lê Hoàng T1 kháng cáo bản án sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thanh P, Lê Hoàng T1 cùng yêu cầu Tòa án phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tiếp tục để hộ bị đơn ở và quản lý căn nhà tình nghĩa để thờ cúng liệt sĩ Lê Văn T2, bà Võ Thị B1 và ông bà bên chồng của bà T. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, chứng cứ mà ông C cung cấp trong quá trình khởi kiện là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thừa 124, tờ bản đồ số 23, diện tích chung thừa là 4.596,2 m² của ông C, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM397681, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00676 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/9/2014 do ông C đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất. Căn cứ vào chứng cứ do Tòa án sơ thẩm thu thập như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án sơ thẩm cũng xác định phần diện tích 36,3m² (đất cất nhà tình nghĩa) nằm trên thửa đất số 124 của ông C. Văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân xã M cũng xác định khi cất nhà tình nghĩa cho cụ Võ Thị B1 là do ông C cho cất nhờ trên phần đất của ông C. Xét

nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử buộc bà T, anh P và anh T1 phải giao trả ông C phần đất có diện tích 36,3m² là có cơ sở. Bà T và những người cùng hộ cùng kháng cáo cho rằng căn nhà tình nghĩa cất trên đất của cụ B1 (đã chết), nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh, không được ông C thừa nhận, cho nên kháng cáo của bà Nguyễn Thị T (bị đơn) và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng hộ bà T gồm Lê Thanh P, Lê Hoàng T1 là không có cơ sở, không được chấp nhận.

[4] Đối với phần căn nhà tình nghĩa của cụ Võ Thị B1 cất trên phần đất tranh chấp thì các bên đương sự không có tranh chấp, Tòa án sơ thẩm đã nhận định “...*phần căn nhà tình nghĩa trên phần đất diện tích là 36,3 m² của ông C các bên thống nhất là nhà nước xây dựng cho cụ B1, nên xác định căn nhà là tài sản thuộc quyền sở hữu của cụ B1 có kết cấu căn nhà 01 tầng, móng cột bê tông, vách tường, nền gạch tàu, mái tôn, đỡ mái bằng gỗ và theo chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH K tỷ lệ sử dụng còn lại là 30% có giá thành tiền là 22.309.453 đồng, đồng thời việc thờ cúng bà cũng đã di dời qua nhà mới của bà, phần căn nhà tình nghĩa trên đất tranh chấp diện tích là 36,3 m² bà T không có sử dụng và không có tranh chấp, nên giao phần căn nhà tình nghĩa trên cho ông C quản lý. Trường hợp các bên có tranh chấp về phần căn nhà thì được giải quyết bằng vụ án khác...*” là đúng pháp luật. Nhưng khi tuyên án thì tòa án sơ thẩm lại tuyên “**1.2. Giao phần căn nhà tình nghĩa của cụ Võ Thị B1 diện tích là 36,3 m² có kết cấu căn nhà 01 tầng, móng cột bê tông, vách tường, nền gạch tàu, mái tôn, đỡ mái bằng gỗ gắn liền trên phần đất diện tích là 36,3 m² giao trả cho hộ ông C tại phần 1.1.**” là không chính xác. Phần tuyên án sơ thẩm đối với căn nhà tình nghĩa trên đất là không rõ ràng, cần điều chỉnh lại “**tạm giao cho ông C quản lý căn nhà căn nhà tình nghĩa trên phần đất diện tích là 36,3 m²**”. Bởi lẽ, căn nhà này là di sản thừa kế của cụ Võ Thị B1 chưa phân chia, nếu các đương sự có tranh chấp về di sản thừa kế là phần căn nhà của cụ B1 sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, nên các đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166 của Bộ Luật dân sự; Điều 166 ,Điều 170 và Điều 203 của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, anh Lê Hoàng T1, anh Lê Thanh P. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 290/2023/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

2.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C

- Buộc bà Nguyễn Thị T, anh Lê Hoàng T1, anh Lê Thanh P giao, trả cho hộ ông Lê Văn C gồm:

2.1. Trả phần đất diện tích là 36,3 m² thuộc quyền sử dụng thửa đất số 124, tờ bản đồ số 23, diện tích chung thửa là 4.596,2 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM397681, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00676 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/9/2014 do ông C đại diện hộ đứng tên.

- Phần đất diện tích 36,3 m² bà Nguyễn Thị T, anh Lê Hoàng T1, anh Lê Thanh P giao trả cho ông C (được ký hiệu ở các hình T4 theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 24/3/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ) và có tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa đất số 124 còn lại của ông C có số đo 6,36m;

+ Hướng Tây giáp thửa đất số 124 còn lại của ông C có số đo 2,78m + 3,79m;

+ Hướng Nam giáp thửa đất số 151 của bà T có số đo 5,62m;

+ Hướng Bắc giáp thửa đất số 124 còn lại của ông C có số đo 5,62m;

(Kèm theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 24/3/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ).

2.2. Tạm giao phần căn nhà tình nghĩa của cụ Võ Thị B1 diện tích là 36,3 m² có kết cấu căn nhà 01 tầng, móng cột bê tông, vách tường, nền gạch tàu, mái tôn, đỡ mái bằng gỗ gắn liền trên phần đất diện tích là 36,3 m² giao trả cho hộ ông C tại phần 2.1 của quyết định này cho ông C quản lý.

3. Về án phí :

- Bà Nguyễn Thị T, anh Lê Hoàng T1, anh Lê Thanh P phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Bà Nguyễn Thị T, anh Lê Hoàng T1, anh Lê Thanh P mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do các đương sự nộp theo biên lai thu số 0014803 (bà T nộp số tiền 300.000 đồng); biên lai thu số 0014802 (Phương nộp số tiền 300.000 đồng) biên lai thu số 0014804 (Thẩm nộp số tiền

300.000 đồng) xem như các đương sự đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

H lại ông Lê Văn C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001151 ngày 04/01/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt